**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI HỌC KÌ II ĐỊA LÍ 10**

1. **LÍ THUYẾT**

**BÀI 32 : ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP (TT)**

**I. NGÀNH ĐIỆN TỬ - TIN HỌC**

1.Vai trò

- Là ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều quốc gia.

- Là thước đo trình độ phát triển kinh tế - kĩ thuật của nhiều quốc gia trên thế giới.

- Là ngành CN trẻ.

2. Đặc điểm

- Ít gây ô nhiễm môi trường.

- Không chiếm diện tích rộng.

- Không tiêu thụ nhiều kim loại, điện và nước.

- Yêu cầu nguồn lao động trẻ có trình độ chuyên môn kĩ thuật cao.

3. Cơ cấu (phân loại)

- Máy tính…

- Thiết bị điện tử…

- Điện tử tiêu dùng…

- Thiết bị viễn thông…

4. Phân bố

- Đứng đầu là Hoa Kì, Nhật Bản, EU…

**II. CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM**

1.Vai trò

- Đáp ứng nhu cầu ăn uống hàng ngày của nhân dân.

- Thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển.

- Có khả năng xuất khẩu, tăng tích lũy vốn, cải thiện đời sống nhân dân.

2. Cơ cấu

- Chế biến sản phẩm trồng trọt.

- Chế biến sản phẩm chăn nuôi.

- Chế biến sản phẩm thủy sản.

3. Sản phẩm : phong phú đa dạng như thịt, cá hộp và đông lạnh, rau quả sấy đóng hộp, chế biến sữa, rượu bia, nước giải khát.

4. Phân bố

- **Các nước phát triển** sử dụng nhiều sản phẩm của ngành công nghiệp thực phẩm

- **Các nước đang phát triển** công nghiệp thực phẩm đóng vai trò chủ đạo trong cơ cấu và giá trị sản xuất công nghiệp.

**Bài 35 VAI TRÒ, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ**

**CỦA NGÀNH DỊCH VỤ**

**I. CƠ CẤU VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC NGÀNH DỊCH VỤ**

**1. Cơ cấu**

- Dịch vụ là ngành có cơ cấu hết sức đa dạng và phức tạp

- Chia thành 3 nhóm ngành:

+ Dịch vụ kinh doanh : vận tải,thông tin liên lạc,tài chính , bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, các dịch vụ nghề nghiệp...

+ Dịch vụ tiêu dùng : các hoạt động buôn bán, bán lẻ, du lịch, các hoạt động cá nhân (y tế, giáo dục...)

+ Dịch vụ công : các dịch vụ hành chính công, các hoạt động đoàn thể.

***2. Vai trò***

- Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển.

- Sử dụng tốt hơn nguồn lao động trong nước, tạo thêm việc làm cho người dân.

- Khai thác tốt hơn các tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa lịch sử.

- Sử dụng tốt các thành tựu của của cuộc cách mạng KH-KT hiện đại để phục vụ con người.

**II. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÁC NGÀNH DỊCH VỤ( học sơ đồ)**

- Trình độ phát triển của nền kinh tế và năng suất lao động xã hội ảnh hưởng đến đầu tư, bổ sung lao động dịch vụ.

- Quy mô,cơ cấu dân số ảnh hưởng đến nhịp độ phát triển và cơ cấu ngành dịch vụ.

- Phân bố dân cư và mạng lưới quần cư ảnh hưởng đến mạng lưới dịch vụ.

- Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán ảnh hưởng đến hình thức tổ chức mạng lưới dịch vụ.

- Mức sống và thu nhập thực tế ảnh hưởng đến sức mua và nhu cầu dịch vụ.

- Tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa, lịch sử, cơ sở hạ tầng du lịch ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ du lịch.

**III. ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ CÁC NGÀNH DỊCH VỤ TRÊN THẾ GIỚI**

- Trong cơ cấu GDP : các nước phát triển trên 60% GDP, các nước đang phát triển thường dưới 50% GDP.

- Trên thế giới, các thành phố cực lớn, đồng thời là trung tâm dịch vụ lớn : New York (BắcMĩ); London (Tây Âu), Tôkyô (Đông Á).

**Bài 36 VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN**

**PHÁT TRIỂN, PHÂN BỐ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**I. VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM NGÀNH GTVT**

***1. Vai trò***

- Tham gia vào việc cung ứng vật liệu kĩ thuật, nguyên liệu, nhiên liệu cho các cơ sở sản xuất và đưa sản phẩm đến thị trường tiêu thụ.

- Phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân.

- Giúp cho việc thực hiện các mối liên hệ kinh tế, xã hội giữa các địa phương.

- Góp phần thúc đẩy hoạt động kinh tế - văn hóa ở các vùng núi xa xôi, tăng cường sức mạnh quốc phòng của đất nước.

- Tạo mối giao lưu kinh tế, văn hoá giữa các nước trên thế giới.

***2. Đặc điểm***

- Sản phẩm của ngành là sự **chuyên chở người và hàng hóa**.

- Chất lượng của sản phẩm dịch vụ được đo bằng tốc độ chuyên chở, sự tiện nghi, sự an toàn cho hành khách và hàng hóa.

- Để đánh giá khối lượng dịch vụ của hoạt động vận tải, người ta thường dùng các tiêu chí:

*+ Khối lượng vận chuyển (người hoặc tấn)*

*+ Khối lượng luân chuyển (người.km;tấn.km)*

*+ Cự ly vận chuyển trung bình (km).*

*Tính khối lương luân chuyển = Khối lượng luân chuyển .Cự ly vận chuyển trung bình.*

**II. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN, PHÂN BỐ NGÀNH GTVT**

***1. Điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng khác nhau.***

- Vị trí địa lí : quy định sự có mặt, vai trò của một số loại hình giao thông vận tải.

- Địa hình và sông ngòi : ảnh hưởng lớn đến công tác thiết kế và khai thác các công trình giao thông vận tải.

- Khí hậu, thời tiết : ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động của phương tiện vận tải.

**2. Các điều kiện kinh tế - xã hội.**

- Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế quốc dân có **ý nghĩa quyết định** đối với sự phát triển, phân bố và hoạt động của ngành giao thông vận tải vì:

+ Các ngành kinh tế là khách hàng của ngành giao thông vận tải.

+ Các ngành kinh tế trang bị cơ sở vật chất cho ngành giao thông vận tải.

- Phân bố dân cư, đặc biệt là sự phân bố các thành phố lớn và các chùm đô thị có ảnh hưởng sâu sắc tới vận tải hành khách, vận tải bằng ô tô.

**Bài 37 ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**V. Các loại hình giao thông vận tải :**

 **1. Đường sắt**

\*Ưu điểm :

- Chuyên chở hàng nặng, cự li xa, tốc độ nhanh và ổn định, giá rẻ.

\*Nhược điểm :

- Đầu tư ban đầu lớn.

- Tàu chỉ vận hành trên những tuyến đường ray cố định và có sẵn đường ray.

- Tình hình phân bố : phân bố nhiều nhất : Châu Âu và Đông Bắc Hoa Kì, Nhật Bản.

 **2. Đường ôtô**

\*Ưu điểm :

- Tiên lợi, cơ động, thích nghi cao với các dạng địa hình.

- Có hiệu quả kinh tế cao trên các quãng đường ngắn và trung bình.

- Đáp ứng các yêu cầu vận chuyển đa dạng của khách hàng.

-Phối hợp hoạt động với các phương tiện vận tải khác.

\*Nhược điểm :

- Gây ra các vấn đề nghiêm trọng về môi trường.

+ Tốn nhiều nguyên, nhiên liệu.

+ Gây ô nhiễm môi trường.

+ Tắc nghẽn giao thông.

+ Tai nạn, tiếng ồn.

\*Tình hình phân bố : tập trung nhiều ở các nước phát triển như là Hoa Kì, Nhật Bản, Châu Âu.

 **3. Đường ống**

\*Ưu điểm :

- Giá rẻ, ít tốn mặt bằng xây dựng.

- Sản phẩm lưu thông liên tục.

-Rất hiệu quả khi vận chuyển dầu và khí đốt.

\*Nhược điểm :

- Sản phẩm chỉ có thể lưu thông trong ống dẫn.

- Chỉ vận chuyển được chất lỏng và chất khí, không vận chuyển được chất rắn.

- Khó khăn cho khắc phục sự cố.

\*Tình hình phân bố:Trung Đông, Hoa Kì, Trung Quốc, Liên Bang Nga.

 **4. Đường sông, hồ**

\*Ưu điểm

- Giá rẻ.

- Thích hợp cho vận chuyển hàng hóa nặng và cồng kềnh, không cần nhanh.

\*Nhược điểm

- Tốc độ chậm.

- Phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện tự nhiên.

- Phải chú ý cải tạo sông ngòi.

\*Tình hình phân bố : phát triển mạnh : Hoa Kì, Canada, Liên Ban Nga.

- Ở Châu Âu có 2 **tuyến đường sông** quan trọng Rai-nơ, Đa-nuyp.

Lưu ý : trả lời các câu hỏi màu xanh giữ bài và cuối bài, làm bài tập trong sách giáo khoa.